

PHỤ LỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, VẬT TƯ THIẾT BỊ, MBA, CÔNG TƠ
(Kèm theo hợp đồng dịch vụ đấu giá số: 779/2024/HĐDVĐG – GLPC-BTN)

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
I	LÔ 1: VẬT TƯ THIẾT BỊ THÔNG THƯỜNG					
1	3.15.27.056.00 0.00.D50	Cáp nhôm trần A 50 mm ²	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	66,70	
2	3.15.28.008.00 0.00.D50	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 95/16 mm ²	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	1.689,60	
3	3.15.28.206.00 0.00.D50	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 50/8 mm ²	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	7.684,50	
4	3.15.28.207.00 0.00.D50	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 70/11 mm ²	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	18.676,60	
5	3.15.28.209.00 0.00.D50	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 95/16 mm ²	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	6.048,70	
6	3.15.28.211.00 0.00.D50	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 120/19 mm ²	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	2.294,00	
7	3.15.28.216.00 0.00.D50	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 185/24 mm ²	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	16.464,30	
8	3.15.42.002.VI E.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 2,5 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	7,00	
9	3.15.42.006.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 6 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	806,10	
10	3.15.42.010.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 16 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	15,20	
11	3.15.42.017.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 50 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	29,00	
12	3.15.42.018.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 70 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	24,00	
13	3.15.44.006.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 2x7 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	59,00	
14	3.15.44.009.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 2x11 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	5,00	
15	3.15.44.010.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 2x16 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	222,00	
16	3.15.44.016.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 2x70 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	6,00	
17	3.15.44.257.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 2x7 mm ²	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	24,00	
18	3.15.50.258.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x50+1x22	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	10,00	
19	3.15.52.009.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x25+1x16	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	7,00	
20	3.15.52.013.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x50+1x25	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	10,00	
21	3.15.52.015.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x70+1x35	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	16,80	
22	3.15.52.017.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x95+1x50	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	30,00	
23	3.15.52.020.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x120+1x70	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	29,50	

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
24	3.15.52.023.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x150+1x95	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	12,90	
25	3.15.52.026.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x185+1x95	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	12,00	
26	3.15.52.029.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 0,6kV M 3x240+1x120	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	16,60	
27	3.15.54.156.00 0.00.D50	Cáp đồng muller 3x25+1x16	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	23,00	
28	3.15.60.005.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc PVC 0,6kV A50 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	2.686,00	
29	3.15.60.006.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc PVC 0,6kV A50 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	18.473,00	
30	3.15.60.007.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc PVC 0,6kV A70 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	36.913,80	
31	3.15.60.008.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc PVC 0,6kV A95 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	42.597,00	
32	3.15.68.004.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 4x70 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	8.655,00	
33	3.15.68.005.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 4x95 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	13.511,00	
34	3.15.68.006.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 4x120 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	834,00	
35	3.15.74.160.00 0.00.D50	Cáp nhôm muller 4x35 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	14,00	
36	3.15.82.002.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 12,7/24kV M 35 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	37,10	
37	3.15.82.003.00 0.00.D50	Cáp đồng bọc PVC/XLPE 12,7/24kV M 50 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	111,60	
38	3.15.90.004.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc PVC/XLPE 12,7/24kV A 70 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	8.398,00	
39	3.15.90.006.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc PVC/XLPE 12,7/24kV A 120 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	28.517	
40	3.15.90.008.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc PVC/XLPE 12,7/24kV A 185 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	5.448,00	
41	3.15.91.003.VI E.00.D50	Cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24kV AC 50 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	315,00	
42	3.15.91.005.VI E.00.D50	Cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24kV AC 70 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	1.839,00	
43	3.15.91.006.00 0.00.A70	Cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24kV AC 95 mm2	Mét	Thu hồi sử dụng được	5,00	
44	3.15.91.006.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24kV AC 95 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	1.926,00	
45	3.15.91.007.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24kV AC 120 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	7.250	
46	3.15.91.257.00 0.00.D50	Cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 24kV AC 120 mm2	Mét	Thu hồi đề nghị thanh lý	1.217,00	
47	2.76.81.010.00 0.00.D50	Dây chì + Viên chì	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	37,0	
48	3.02.20.001.00 0.02.D50	Cột 8,4 mét (Chặt còn 5 mét)	Cột	Thu hồi đề nghị thanh lý	33,0	
49	3.02.20.001.00 0.86.D50	Trụ BTLT 10,5m cắt gốc còn 6 m	Cột	Thu hồi đề nghị thanh lý	4,0	

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
50	3.02.20.001.00 0.89.D50	Trụ BTLT 10,5M cắt góc còn 7M	Cột	Thu hồi đề nghị thanh lý	75,0	
51	3.02.20.001.00 0.A5.D50	Trụ BTLT 6M	Cột	Thu hồi đề nghị thanh lý	11,0	
52	3.02.30.001.00 0.04.D50	Trụ sắt PL 9,3m cắt góc còn 9m	Cột	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
53	3.02.70.001.00 0.05.D50	Cột pylon 7.9 m cắt góc còn 6m	Cột	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
54	3.02.75.001.VI E.D8.000	Cờ tiếp địa ngọn TĐN-2	Bộ	Vật tư nhập mới	143,0	
55	3.02.75.001.VI E.E4.000	Cờ tiếp địa ngọn TĐN-4	Bộ	Vật tư nhập mới	3,0	
56	3.02.75.341.VI E.02.000	Dây tiếp địa %12 dài 12m	Bộ	Vật tư nhập mới	1,0	
57	3.06.20.001.00 0.05.D50	Giá móc cáp	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	78,0	
58	3.06.20.001.VI E.21.000	Xà sứ đỡ dưới cột sắt 10.7 mét	Bộ	Vật tư nhập mới	1,0	
59	3.06.30.127.VI E.00.000	Xà dao cách ly cột sắt (XDCL-660)	Bộ	Vật tư nhập mới	2,0	
60	3.10.08.004.00 0.00.D50	Sứ đứng A16 kèm ty	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	666,0	
61	3.10.08.008.00 0.00.D50	Sứ hạ thế A16	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2.473,0	
62	3.10.10.001.00 0.03.D50	Sứ treo(loại gôm nâu)	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	36,0	
63	3.10.15.002.00 0.00.D50	Sứ MBA 0,6kV	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4,0	
64	3.10.15.004.00 0.00.D50	Sứ MBA 24kV	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3,0	
65	3.10.66.002.00 0.00.D50	Sứ đứng 24kV	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	580,0	
66	3.10.66.063.00 0.00.D50	Sứ đứng kèm ty 24kV	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	987,0	
67	3.10.88.008.00 0.00.D50	Cách điện thủy tinh các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	297,0	
68	3.10.88.214.00 0.00.D50	Chuỗi cách điện treo bằng polymer 24kV	Chuỗi	Thu hồi đề nghị thanh lý	810,0	
69	3.10.88.217.00 0.00.D50	Chuỗi cách điện treo bằng polymer 110kV 70KN	Chuỗi	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
70	3.10.88.229.00 0.00.D50	Chuỗi cách điện treo bằng polymer 110kV 120KN	Chuỗi	Thu hồi đề nghị thanh lý	5,0	
71	3.10.90.001.00 0.03.D50	Cùi sứ treo	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	79,0	
72	3.10.92.001.00 0.09.D50	Ty sứ MBA hạ thế	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	11,0	
73	3.10.92.453.VI E.00.000	Kẹp cáp cổ sứ hồng Φ 60-70mm (kèm kẹp Φ 29,5-35mm)	Bộ	Vật tư nhập mới	75,0	
74	3.10.92.457.VI E.00.000	Kẹp cáp cổ sứ hồng Φ 68-80mm (kèm kẹp Φ 29,5-35mm)	Bộ	Vật tư nhập mới	7,0	
75	3.20.07.061.VI E.00.D50	Ổng nối dây ACSR 185 mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4,0	

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
76	3.20.17.766.VI E.00.000	Ổng co nhiệt phi 30	Mét	Vật tư nhập mới	40,8	
77	3.20.17.767.00 0.00.000	Ổng co nhiệt phi 35	Mét	Vật tư nhập mới	4,2	
78	3.20.22.001.00 0.98.D50	Kẹp răng hạ thế các loại (hông)	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	39,0	
79	3.20.22.072.00 0.00.D50	Cầu chì tự rơi 24kV 100A (polimer)	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
80	3.20.22.381.00 0.00.D50	Kẹp treo cáp ABC 70mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	47,0	
81	3.20.22.382.00 0.00.D50	Kẹp treo cáp ABC 95mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	192,0	
82	3.20.22.383.VI E.00.D50	Kẹp treo cáp ABC 120mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	24,0	
83	3.20.22.458.VI E.00.D50	Kẹp ngừng cáp ABC 120mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	15,0	
84	3.20.22.460.00 0.00.D50	Kẹp ngừng cáp ABC 50-95mm	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	168,0	
85	3.20.22.502.00 0.00.D50	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-95/6-35 (1BL)	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	90,0	
86	3.20.22.504.00 0.00.D50	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-95/6-95 (2BL)	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	28,0	
87	3.20.31.000.00 0.00.D50	Kẹp cáp nhôm các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	26,0	
88	3.20.45.201.00 0.01.000	Mắc nối trung gian	Cái	Vật tư nhập mới	29,0	
89	3.20.60.001.00 0.70.D50	Khóa néo dây AC các loại (sắt,hông)	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	616,0	
90	3.20.60.010.VI E.00.D50	Khóa néo cuối dây bọc 120mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	24,0	
91	3.20.60.020.00 0.00.D50	Khóa néo dây ACSR 185/29	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	30,0	
92	3.20.60.046.VI E.00.000	Khóa néo dây A 25-120 mm ²	Bộ	Vật tư nhập mới	8,0	
93	3.20.60.256.00 0.00.D50	Khóa néo cuối dây bọc 185mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	12,0	
94	3.20.94.001.00 0.98.000	Hàng Kẹp	Cái	Vật tư nhập mới	3,0	
95	3.20.94.001.VI E.E4.D50	Patte siết cáp M30	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
96	3.20.94.028.00 0.00.D50	Giáp núu cáp trung thế 185mm ²	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	30,0	
97	3.25.66.512.00 0.00.000	Đầu cáp ngầm ngoài trời 24kV- (3x240)mm ²	Bộ	Vật tư nhập mới	2,0	
98	3.30.22.005.00 0.00.D50	Cầu chì tự rơi 24kV 100A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	143,0	
99	3.30.22.008.00 0.00.D50	Cầu chì tự rơi 35kV 100A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3,0	
100	3.30.60.000.00 0.01.D50	Dây cháy bằng chì các loại	Sợi	Thu hồi đề nghị thanh lý	45,0	
101	3.30.80.002.00 0.00.D50	Cần FCO 24KV 100A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4,0	

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
102	3.30.80.003.VI E.00.D50	Cần FCO 24KV-200A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
103	3.42.10.152.00 0.00.D50	Dao cách ly 3 pha 24kV 630A chém đứng	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	6,0	
104	3.42.80.002.00 0.00.D50	Chống sét van không có khe hở 0,4kV	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	60,0	
105	3.42.80.005.00 0.00.D50	Chống sét van 18kV	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	93,0	
106	3.42.80.006.00 0.00.D50	Chống sét van không có khe hở 22kV (18kV - 21kV)	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	10,0	
107	3.46.04.001.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 1 pha các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	138,0	
108	3.46.04.007.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 1 pha 1 cực 32A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	417,0	
109	3.46.04.011.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 1 pha 1 cực 63A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	152,0	
110	3.46.05.006.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 1 pha 2 cực 32A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	106,0	
111	3.46.05.010.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 1 pha 2 cực 63A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
112	3.46.05.011.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 1 pha 2 cực 75A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
113	3.46.15.001.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
114	3.46.15.015.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 150A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
115	3.46.15.016.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 160A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
116	3.46.15.018.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 200A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
117	3.46.15.020.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 250A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4,0	
118	3.46.15.022.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 400A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
119	3.46.15.133.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 4 cực 50A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	5,0	
120	3.46.15.135.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 4 cực 63A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	5,0	
121	3.46.15.137.00 0.00.D50	Áp-tô-mát 3 pha 4 cực 80A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	5,0	
122	3.53.05.127.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 75/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
123	3.53.05.128.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 100/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4,0	
124	3.53.05.129.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 150/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	9,0	
125	3.53.05.130.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 200/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3,0	
126	3.53.05.131.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 250/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3,0	
127	3.53.05.133.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 400/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	6,0	

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
128	3.53.05.135.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 600/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3,0	
129	3.53.05.139.00 0.00.D50	Biến dòng điện hạ áp 1500/5A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3,0	
130	3.53.60.001.00 0.00.D50	Biến dòng trung thế 24kV các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
131	3.60.90.251.00 0.00.D50	Hộp composite bảo vệ 1 công tơ 1 pha	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	21,0	
132	3.60.90.252.00 0.00.D50	Hộp composite bảo vệ 1 công tơ 3 pha	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	27,0	
133	3.60.90.253.00 0.00.D50	Hộp composite bảo vệ 2 công tơ 1 pha	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	15,0	
134	3.60.90.254.00 0.00.D50	Hộp composite bảo vệ 4 công tơ 1 pha	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	728,0	
135	4.88.80.097.VI E.00.000	Gioăng cao su MBA 65x43x5mm	Cái	Vật tư nhập mới	19,0	
136	5.12.04.001.00 0.03.D50	Lốp xe ô tô các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	19,0	
137	8.32.42.003.00 0.00.D50	Máy cắt cỏ	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1,0	
138	8.34.34.999.00 0.00.D50	Các loại ròng rọc, pu-li thu hồi hư hỏng	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	6,0	
139	8.88.08.001.IT A.49.D50	Van an toàn áp suất	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	13,0	
140	8.90.10.001.00 0.06.D50	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	Thu hồi đề nghị thanh lý	5,0	
141	8.90.10.043.00 0.00.D50	Găng tay Cách điện 17KV	Đôi	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
142	8.90.10.062.00 0.00.D50	Thảm cao su cách điện 6kV 1000x600mm	Tấm	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
143	8.90.80.068.00 0.00.D50	Sào thao tác	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2,0	
II	LÔ 2: TÀI SẢN CÓ ĐỊNH, VẬT TƯ THIẾT BỊ, MBA VÀ CÔNG TƠ THUỘC CHẤT THẢI NGUY HẠI					
II.1	TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUỘC CHẤT THẢI NGUY HẠI					
1	121320400002 3370	MBA 25MVA (No: 25M030231) - MBA T1 thuộc TBA 110kV An Khê	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
2	1.43050201.00 14611	Máy photocopy Fuji Xerox docucentre-III 2007DD	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
3	1.46000001.00 14635	Ti vi Sam sung SP-50L3HX	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
4	1.23030900.00 24091	Bản kiểm định công tơ 1 pha kết nối máy tính	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
5	1.23030900.00 24094	Bản kiểm định công tơ 3 pha 12 vị trí TF9300	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
II.2	VẬT TƯ THIẾT BỊ, MBA VÀ CÔNG TƠ THUỘC CHẤT THẢI NGUY HẠI					
1	1.41.04.001.00 0.04.D50	Dầu máy biến thế các loại	Lít	Thu hồi đề nghị thanh lý	5.247	17 03 05
2	1.71.87.001.00 0.01.D50	Bình hạt hút ẩm	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	18 01 02

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
3	3.42.38.053.00 0.00.D50	Máy cắt dầu ngoài trời 35kV 630A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
4	3.56.80.251.00 0.00.D50	Biến điện áp cấp nguồn các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
5	3.58.60.002.00 0.00.D50	Hộp bộ đo lường 3 pha	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
6	3.60.05.129.00 0.00.D50	Công tơ điện từ 1 pha có RF DT01P80 5-80A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	17	16 01 13
7	3.60.05.130.00 0.00.D50	Công tơ điện từ 1 pha có RF DT01P-RF 10-40A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	798	16 01 13
8	3.60.05.132.00 0.00.D50	Công tơ điện từ 1 pha có RF 20-80A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3	16 01 13
9	3.60.05.134.00 0.00.D50	Công tơ điện từ 1 pha có RF DT01P60-RF 5-60A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
10	3.60.35.504.00 0.00.D50	Công tơ điện từ 3 pha DT03P05_RF 3x(57,5/100-240/415)V 3x5(6/10)A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
11	3.60.45.506.00 0.00.D50	Công tơ điện từ 3 pha có RF DT03P-RF 230/400V 3x10-100A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	17	16 01 13
12	3.60.45.507.00 0.00.D50	Công tơ điện từ 3 pha có RF DTS27-RF 230/400V 3x10-100A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	34	16 01 13
13	3.60.52.002.00 0.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá A1700 3x230/400V 3x5(6/10)A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4	16 01 13
14	3.60.52.016.00 0.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá A1700 3x(57,5/100-240/415)V 3x1(1,2)A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
15	3.60.52.017.00 0.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá A1700 3x(57,5/100-240/415)V 3x5(6/10)A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	29	16 01 13
16	3.60.52.022.00 0.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá DT03M05-RF 3x(57,5/100-240/415)V 3x5(6/10)A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3	16 01 13
17	3.60.52.507.00 0.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá A1700 3x230/400V 3x10-100A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	12	16 01 13
18	3.60.52.508.00 0.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá DT03M10-RF 230/400V 3x10-100A	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	9	16 01 13
19	3.61.03.002.VI E.00.D50	Bộ định tuyến dữ liệu Router	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	16	16 01 13
20	3.61.03.007.00 0.00.D50	Bộ tập trung DCU	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	61	16 01 13
21	3.66.41.004.00 0.00.D50	Đèn pha xử lý sự cố	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	16 01 13
22	4.94.80.001.00 0.10.D50	Máy lọc nước nóng-lạnh	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	16 01 13
23	5.16.12.000.00 0.00.D50	Bình ắc quy các loại	Kg	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 12
24	5.16.12.000.00 0.01.D50	Bình ắc quy các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	6	16 01 12
25	5.16.12.002.00 0.00.D50	Bình ắc qui khô 12V 7,2Ah	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	9	16 01 12
26	5.16.12.004.00 0.00.D50	Bình ắc qui khô 12V 12Ah	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	13	16 01 12
27	5.16.12.012.00 0.00.D50	Bình ắc quy 12V 70Ah	Bình	Thu hồi đề nghị thanh lý	12	16 01 12
28	5.16.12.015.VI E.00.D50	Bình ắc quy 12V 85Ah	Bình	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 12

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
29	5.16.12.028.00 0.00.D50	Bình ắc quy 12V 7,5Ah	Bình	Thu hồi đề nghị thanh lý	12	16 01 12
30	5.16.12.032.00 0.00.D50	Bình ắc qui khô 12V 24Ah	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 12
31	5.16.13.012.00 0.00.D50	Bình ắc quy 12V-75Ah	Bình	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 12
32	5.16.13.028.VI E.00.D50	Bình ắc quy khô 12V 35Ah	Bình	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	16 01 12
33	5.16.32.001.00 0.03.D50	UPS hồng các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 12
34	5.16.32.002.VI E.00.D50	Bộ lưu điện UPS 500VA	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	5	16 01 12
35	5.76.10.091.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 12,7/0,23kV 50kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
36	5.76.10.094.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 12,7/0,23kV 100kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
37	5.76.10.155.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22/0,23kV 25kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
38	5.76.10.208.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22/2x0,23kV 50kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
39	5.76.10.212.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22/2x0,23kV 25kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
40	5.76.10.572.VI E.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22(15)/0,23kV 50kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
41	5.76.10.905.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22/0,23-0,46kV 30kVA	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
42	5.76.10.908.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22(15)/0,23-0,46kV 50kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
43	5.76.10.910.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22/0,23-0,46kV 15kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
44	5.76.10.911.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22(10)/0,23-0,46kV 15kVA	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	18 01 02
45	5.76.10.914.00 0.00.D50	Máy biến áp 1 pha 22/0,23-0,46kV 25kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	18 01 02
46	5.76.29.305.00 0.00.D50	Máy biến áp 3 pha 22/0,4kV 75kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
47	5.76.29.307.00 0.00.D50	Máy biến áp 3 pha 22/0,4kV 100kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	4	18 01 02
48	5.76.29.310.00 0.00.D50	Máy biến áp 3 pha 22/0,4kV 160kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
49	5.76.29.313.00 0.00.D50	Máy biến áp 3 pha 22/0,4kV 250kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
50	5.76.29.314.00 0.00.D50	Máy biến áp 3 pha 22/0,4kV 320kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
51	5.76.29.713.00 0.00.D50	Máy biến áp 3 pha 22/(15)/0,4kV 250kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
52	5.76.29.714.00 0.00.D50	Máy biến áp 3 pha 22(15)/0,4kV 320kVA	Máy	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
53	5.76.97.130.VI E.00.D50	Phao chỉ thị dầu MBA	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	6	18 01 02
54	5.76.97.136.00 0.00.D50	Bộ chuyển nấc phân áp	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	18 01 02

STT	Mã VT/MÃ TS	Tên VTTB/TSCĐ	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Mã CTNH
55	5.96.00.319.00 0.00.D50	Máy bộ đàm cầm tay các loại	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	3	16 01 13
56	5.96.00.322.00 0.00.D50	Máy điện thoại các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3	16 01 13
57	8.25.61.006.00 0.00.D50	Kim ép thủy lực loại 6 tấn	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	18 01 02
58	8.25.61.017.00 0.00.D50	Kim ép thủy lực 12 tấn	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	18 01 02
59	8.32.02.001.00 0.06.D50	Khoan pin cầm tay	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3	16 01 13
60	8.32.22.999.00 0.00.D50	Máy cắt cành dùng pin thu hồi các loại	Bộ	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
61	8.70.90.003.00 0.00.D50	Máy đo điện trở đất 4102	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
62	8.71.52.001.00 0.01.D50	Ampe kìm	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	16 01 13
63	8.75.80.001.00 0.04.D50	Đồng hồ đo nhiệt độ	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
64	8.75.80.001.00 0.12.D50	Máy đo nhiệt độ từ xa	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4	16 01 13
65	8.88.00.001.00 0.02.D50	Máy ảnh các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
66	8.88.00.001.00 0.22.D50	Ti vi các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3	16 01 13
67	8.88.00.001.00 0.89.D50	Tủ lạnh các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
68	8.88.01.001.00 0.00.D50	Máy hàn thu hồi các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
69	8.88.08.001.00 0.51.D50	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	4	16 01 13
70	8.88.10.001.00 0.01.D50	Máy tính xách tay	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	2	16 01 13
71	8.88.10.001.00 0.Z4.D50	Màn hình máy vi tính	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	16	16 01 13
72	8.88.10.001.00 0.Z7.D50	Máy fax các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	1	16 01 13
73	8.88.10.115.CH N.00.D50	Máy tính bảng các loại	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	10	16 01 13
74	8.90.10.001.00 0.12.D50	Bút thử điện cao thế	Cái	Thu hồi đề nghị thanh lý	3	16 01 13